TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÂM** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2024/QĐST – DS	*Văn Lâm, ngày 26 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 88/2023/TLST-DS ngày 23/10/2023 về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Ông Đào Văn B, ông Đào Văn H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Văn B, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Dương Thị Mai H1 – Công ty L.

Địa chỉ: Số H, ngõ A, phố X, phường C, quận L, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Đào Văn H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Văn H2, ông Trần Chí T – Văn phòng L1, Đoàn luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số F phố C, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đào Văn B1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bà Đào Thị N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bà Sái Thị N1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Bà Đào Thị M, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Chị Đào Thị X, sinh năm 1980.

Sinh quán: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Trú quán: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự như sau:

2.1. Giao quyền sử dụng đất tại thửa đất số 382, tờ bản đồ số 28, diện tích 143,7m2 tại thôn H, huyện V, tỉnh Hưng Yên và thửa đất số 289, tờ bản đồ 28, diện tích 588,9 m2 tại thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên cho ông Đào Văn H quản lý, sử dụng.

2.2. Ông Đào Văn H có trách nhiệm thanh toán số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông Đào Văn B trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận hòa giải thành.

2.3. Trường hợp hết thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận hòa giải thành, ông Đào Văn H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho ông Đào Văn B, ông B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc ông H thanh toán toàn bộ số tiền còn lại chưa thanh toán cho ông B.

2.4. Ông Đào Văn B có trách nhiệm thanh toán số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông Đào Văn B1, bà Đào Thị N và gia đình ông Đào Văn Đ mỗi người số tiền 625.000.000 (sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng). Khi nhận được số tiền 625.000.000 ông Đào Văn Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Thị M1 và chị Đào Thị X mỗi người 1/3 số tiền này.

2.5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.6. *Về chi phí tố tụng:* Chi phí tố tụng là 21.900.000 (hai mươi mốt triệu chín trăm nghìn) đồng, ông Đào Văn H có trách nhiệm trả lại ông Đào Văn B số tiền 10.950.000 (mười triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng. Tòa án trả lại cho ông Đào Văn B số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn lại là 8.100.000 (tám triệu một trăm nghìn) đồng.

2.7. *Về án phí*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đào Văn B và ông Đào Văn H.

Ông Đào Văn B1, bà Đào Thị N mỗi người phải chịu 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đào Thị M, chị Đào Thị X, anh Đào Văn Đ mỗi người phải chịu 10.416.000 đồng (mười triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *THADS huyện Văn Lâm;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Mười